

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BDT-CSDT

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2023

V/v có ý kiến đối với Báo cáo
thẩm tra dự thảo Nghị quyết
phân bổ vốn sự nghiệp thực
hiện Chương trình MTQG phát
triển KT-XH vùng đồng bào
DTTS và MN năm 2023 của
Ban Dân tộc - HĐND tỉnh

Kính gửi: Sở Tài chính.

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số 20/BC-HĐND ngày 10/3/2023 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh về Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 từ nguồn vốn Trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh kèm theo Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 17/02/2023 của UBND tỉnh và theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 646/STC-NS ngày 10/3/2023; Ban Dân tộc tỉnh giải trình một số nội dung như sau:

1. Đối với Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt:

a) Tổng số hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề theo Tờ trình số 11/TTr-UBND là 2.776 hộ, nhưng theo Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021 – 2025 là 2.863 hộ, đề nghị làm rõ số liệu này.

Giải trình: Thực hiện Công văn số 5319/UBND-KGVX ngày 19/10/2022 của UBND tỉnh về hướng dẫn quy trình rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách của Dự án 1, Dự án 2 thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; UBND các huyện đã thực hiện việc rà soát đối tượng thụ hưởng và cập nhật lại số liệu thực tiễn.

b) Tổng số hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán theo Tờ trình số 11/TTr-UBND là 9.692 hộ, nhưng theo Kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 là 10.097 hộ, đề nghị làm rõ số liệu này.

Giải trình: Thực hiện Công văn số 5319/UBND-KGVX ngày 19/10/2022 của UBND tỉnh về hướng dẫn quy trình rà soát đối tượng thụ hưởng chính sách của Dự án 1, Dự án 2 thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; UBND các huyện đã thực hiện việc rà soát đối tượng thụ hưởng và cập nhật lại số liệu thực tiễn.

2. Đối với Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị;

a) Đề nghị làm rõ cơ sở phân bổ kinh phí thực hiện Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 của Dự án 3:

Năm 2023:

- **Tiểu dự án 1** là 60.000 triệu đồng/197.676 triệu đồng (tỷ lệ 30,35%).
- **Tiểu dự án 2** là 137.676 triệu đồng/197.676 triệu đồng (tỷ lệ 69,65%).

Trong khi năm 2022:

- **Tiểu dự án 1** là 38.125 triệu đồng/56.423 triệu đồng (tỷ lệ 67,56%).
- **Tiểu dự án 2** là 16.468 triệu đồng/56.423 triệu đồng (tỷ lệ 32,44%).

Giải trình: Tại văn bản số 12/BDT-CSDT ngày 11/01/2023 của Ban Dân tộc tỉnh đề xuất phương án phân bổ vốn cho Tiểu dự án 1 là 169.789 triệu đồng (gồm NSTW là 147.643 triệu đồng và NST là 22.146 triệu đồng), phân bổ cho Tiểu dự án 2 là 55.227 triệu đồng (gồm NSTW là 50.033 triệu đồng và NST là 5.194 triệu đồng). Thực hiện Thông báo số 43/TB-UBND ngày 07/02/2023 của UBND tỉnh về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp UBND tỉnh nghe và cho ý kiến một số nội dung theo thẩm quyền (ngày 07/02/2023), theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 329/STC-NS ngày 09/02/2023 và trên cơ sở đề xuất lại nhu cầu vốn thực hiện Tiểu dự án 1 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 423/SNNPTNT-KHTC ngày 10/02/2023 là 69.000 triệu đồng, Ban Dân tộc tỉnh đã đề xuất điều chỉnh phương án phân bổ vốn cho Tiểu dự án này theo đề nghị của Sở NN và PTNT (gồm NSTW là 60.000 triệu đồng và NST là 9.000 triệu đồng); vì vậy, phần vốn NSTW còn lại là 87.643 triệu đồng, Ban Dân tộc tỉnh đề xuất điều chuyển sang phân bổ cho các địa phương để triển khai thực hiện Nội dung Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Tiểu dự án 2.

Sự điều chỉnh này sẽ làm thay đổi cơ cấu vốn của Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 trong Dự án 3 (vốn của Tiểu dự án 1 giảm xuống và vốn của Tiểu dự án 2 tăng lên) so với tổng kế hoạch vốn của từng Tiểu dự án giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh.

Thực hiện Thông báo số 43/TB-UBND ngày 07/02/2023 của UBND tỉnh; hiện nay, Ban Dân tộc tỉnh đang tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022. sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung; Ban Dân tộc tỉnh sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh vốn theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 43/TB-UBND ngày 07/02/2023.

b) Việc phân bổ kinh phí cho các sở, ban, ngành, hội đoàn thể và UBND các huyện thực hiện Tiểu dự án 2, cụ thể:

- Phân bổ cho huyện Trà Bồng thực hiện đầu tư, hỗ trợ phát triển trồng dược liệu quý 5.003 triệu đồng/137.676 triệu đồng, tỷ lệ 3,63%.
- Phân bổ cho các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu

hút đầu tư 3.750 triệu đồng/137.676 triệu đồng, tỷ lệ 2,72%.

Có đảm bảo theo điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh không? Có phá vỡ cơ cấu vốn của kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025 không?

Giải trình: Theo quy định tại Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán năm 2023 thì đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện phân bổ phải đúng với tổng mức, lĩnh vực chi và kinh phí **thực hiện từng dự án được giao** và trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ quy định tại Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ quy định trên thì việc phân bổ kinh phí cho các sở, ban, ngành, hội đoàn thể và UBND các huyện thực hiện Tiểu dự án 2, dự án 3 đảm bảo quy định và về cơ cấu vốn **Dự án 3** kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025 vẫn đảm bảo. *(Phân bổ vốn hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý: Phân bổ cho huyện Trà Bồng không quá 10% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 2; Phân bổ vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư: Phân bổ vốn cho các sở, ban ngành và hội đoàn thể tỉnh không quá 12% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 2).* Việc phân bổ vốn cho huyện Trà Bồng 5.003 triệu đồng, tỷ lệ 3,63% để thực hiện đầu tư, hỗ trợ phát triển trồng dược liệu quý vì phân kinh phí điều chuyển từ Tiểu án 1 sang Tiểu Dự án 2 chỉ đề xuất giao cho các huyện thực hiện Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

3. Đối với Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

a) Việc phân bổ kinh phí cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Tiểu dự án 3 *(phân bổ 2.062 triệu đồng/29.468 triệu đồng, tỷ lệ 7%)* có đảm bảo theo điểm b khoản 3 Điều 9 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh không?

Giải trình: Ngày 21/12/2022, Sở Lao động Thương binh và Xã hội có Công văn số 3465/SLĐTBXH-LĐVL&GDNN đề xuất phân bổ vốn cho Sở để thực hiện Tiểu dự án 3 là 2.300 triệu đồng *(NSTW là 2.000 triệu đồng, ngân sách tỉnh 300 triệu đồng)*. Việc phân bổ này đảm bảo theo điểm b khoản 3 Điều 9 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh *(Phân bổ cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không quá 20% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 3)*.

b) Việc phân bổ kinh phí cho Ban Dân tộc tỉnh thực hiện Tiểu dự án 4 *(phân bổ 2.204 triệu đồng/11.023 triệu đồng, tỷ lệ 20%)* có đảm bảo theo điểm b khoản 4 Điều 9 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh không?

Giải trình: Đảm bảo theo điểm b khoản 4 Điều 9 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh *(Phân bổ*

cho Ban Dân tộc tỉnh **không quá 50%** tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 4).

4. Đối với Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch, đề nghị làm rõ số người dân tộc thiểu số được công nhận là nghệ nhân nhân dân và nghệ nhân ưu tú (*tại phần ghi chú theo Tờ trình số 11/TTr-UBND thì 25 nghệ nhân, nhưng trên bảng biểu thì 27 nghệ nhân*).

Giải trình: Số nghệ nhân để làm tiêu chí tính điểm và phân bổ kinh phí thực tế theo số là 27 (*tăng 02 người theo đề nghị của UBND huyện Sơn Tây tại văn bản số 1781/UBND ngày 28/12/2022*), trong bị chú ghi là 25 nghệ nhân là do chưa cập nhật số liệu đề nghị tăng của huyện Sơn Tây. Tiếp thu ý kiến và sửa lại số nghệ nhân là 27 trong phần ghi chú.

5. Đối với Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình:

a) Việc phân bổ kinh phí cho Ban Dân tộc thực hiện Tiểu dự án 2 (*phân bổ 276 triệu đồng/1.626 triệu đồng, tỷ lệ 17%*) có đảm bảo theo điểm b khoản 2 Điều 14 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh không?

Giải trình: Đảm bảo theo điểm b khoản 2 Điều 14 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh (*Phân bổ Ban Dân tộc tỉnh không quá 20%*)

b) Việc phân bổ kinh phí cho các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh thực hiện Tiểu dự án 3 (*phân bổ 1.044 triệu đồng/2.551 triệu đồng, tỷ lệ 40,9%*) có đảm bảo theo điểm b khoản 3 Điều 14 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh không?

Giải trình: Đảm bảo theo điểm b khoản 3 Điều 14 Quy định kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh (*phân bổ kinh phí cho các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh thực hiện Tiểu dự án 3 không quá 60%*).

Ban Dân tộc tỉnh báo cáo đề Sở Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng thuộc Ban;
- Lưu VT.

TRƯỞNG BAN

Trần Văn Mẫn